

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 8 - 2021

"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Oanh;

Ông Nguyễn Hồng Diện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 02/8/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Thèn Văn T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh H "vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt".

- *Bị đơn:* Chị Nùng Thị B, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh H "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Thèn Văn T trình bày: Anh và chị Nùng Thị B tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa

phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh H vào ngày 20/9/2010 trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh H. Quá trình chung sống, thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến anh chị cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình trạng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị B đã bỏ nhà đi làm ăn xa và anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Anh T nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Nùng Thị B.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có hai con chung là cháu Thèn Khánh H, sinh ngày 06/9/2010 và cháu Thèn Mỹ D, sinh ngày 23/5/2016. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và anh không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị B không gửi bản tự khai không cung cấp chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của anh T. Tòa án đã triệu tập bị đơn là chị Nùng Thị B nhiều lần đến Tòa án, đến UBND xã L để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng chị B vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại các biên bản xác minh ngày 12/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với trưởng thôn Đ, xã L và đại diện UBND xã L nơi anh Thèn Văn T và chị Nùng Thị B sinh sống phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Anh Thèn Văn T và chị Nùng Thị B tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh H vào ngày 20/9/2010 trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh H. Quá trình chung sống, thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến anh chị cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình trạng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị B đã bỏ nhà đi làm ăn xa và anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình chung sống, anh chị có hai con chung là cháu Thèn Khánh Huy, sinh ngày 06/9/2010 và cháu Thèn Mỹ Duyên, sinh ngày 23/5/2016. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị B đã bỏ

nhà đi, để lại hai cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian anh chị sống ly thân, anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu tốt. Nếu anh chị ly hôn, thì Tòa án giao hai cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng thì hợp lý hơn.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Thèn Văn T được ly hôn chị Nùng Thị B. Việc nuôi con: Giao hai cháu Thèn Khánh H, sinh ngày 06/9/2010 và cháu Thèn Mỹ D, sinh ngày 23/5/2016 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và chị Nùng Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là anh Thèn Văn T có đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bị đơn là chị Nùng Thị B, chị Nùng Thị B có nơi cư trú tại thôn Đ, xã L, huyện B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn là chị Nùng Thị B vẫn vắng mặt không có lý do và nguyên đơn là anh Thèn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Thèn Văn T và chị Nùng Thị B xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian ngắn chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến anh chị xô sát, cãi vã nhau. Mâu

thuần giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, việc ai người đẩy làm, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng chị Nùng Thị B không hợp tác để tham gia hòa giải. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Thèn Văn T được ly hôn chị Nùng Thị B.

[4] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình chung sống, anh chị có hai con chung là các cháu Thèn Khánh H, sinh ngày 06/9/2010 và cháu Thèn Mỹ D, sinh ngày 23/5/2016. Trong thời gian anh chị sống ly thân, anh T là người trực tiếp nuôi con, đã đảm bảo điều kiện tốt nhất về ăn, ở, học tập, sinh hoạt và tinh thần cho các cháu. Hiện nay, các cháu đang sinh sống, học tập trong môi trường cũ, ổn định. Mặt khác cháu H có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì cháu được tiếp tục sống cùng bố. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Thèn Khánh H và cháu Thèn Mỹ D cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H, cháu D đủ 18 tuổi và chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về chia tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Thèn Văn T được ly hôn chị Nùng Thị B.

2. Về việc nuôi con: Xử giao cháu Thèn Khánh H, sinh ngày 06/9/2010 và cháu Thèn Mỹ D, sinh ngày 23/5/2016 cho anh Thèn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H, cháu D đủ 18 tuổi, chị Nùng Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung anh T, chị B có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Thèn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai thu số: 0001372, ngày 09/6/2021.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hồng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Liên Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Oanh Nguyễn Hồng Diễm

Đinh Thị Hồng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Đồng Tâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hồng

Nguyễn Đàm Thuyên Nguyễn Hồng Diệm

Hà Tuấn Vĩnh

